

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SU

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Hoá học; Chuyên ngành: Hoá lý

1. Họ và tên người đăng ký: NGUYỄN THỊ THANH XUÂN

2. Ngày tháng năm sinh: 15-03-1978; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: Phường An Hải Đông, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số nhà 198 Nguyễn Công Trứ, Phường An Hải Đông, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng

6. Địa chỉ liên hệ: Khoa Hóa, Trường Đại học Bách khoa - Đại học Đà Nẵng, 54 Nguyễn Lương Bằng, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng

Điện thoại nhà riêng; Điện thoại di động: 0982.144.369; E-mail: nttxuan@dut.udn.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

<i>Thời gian</i>	<i>Công việc, chức vụ, cơ quan</i>
Từ 02/2006 đến nay	Giảng viên, giảng dạy tại Bộ môn Công nghệ hóa học Dầu và khí, Khoa Hóa, trường Đại học Bách khoa – Đại học Đà Nẵng
Từ 02/2006 đến 08/2006	Tham gia công tác tuyển sinh tại Ban đào tạo, Đại học Đà Nẵng (biệt phái)

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

Từ 05/2009 đến 09/2009 Chuyên viên Ban Hợp tác quốc tế, Đại học Đà Nẵng, phụ trách chương trình liên kết đào tạo với Cộng hòa Pháp

Từ 10/2009 đến 04/2011 Phó Giám đốc Trung tâm Đảm bảo chất lượng, Đại học Đà Nẵng, phụ trách chương trình liên kết đào tạo với Cộng hòa Pháp

Từ 08/2017 đến nay Phó Viện trưởng Viện Công nghệ quốc tế DNIIT, Đại học Đà Nẵng (kiêm nhiệm)

Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Hóa, Trường Đại học Bách khoa, Đại học Đà Nẵng

Địa chỉ cơ quan: 54 Nguyễn Lương Bằng, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng

Điện thoại cơ quan: 0236 3733590

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

Tham gia giảng dạy một số khóa đào tạo nghề tại trường Cao đẳng Dầu khí thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

– Được cấp bằng ĐH ngày 27 tháng 07 năm 2001, ngành Hóa học, chuyên ngành: Hoá dầu.

Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Kỹ thuật – Đại học Đà Nẵng.

– Được cấp bằng ThS ngày 10 tháng 07 năm 2002, ngành: Hoá học, chuyên ngành: Động hóa học, Xúc tác, Quá trình cháy, Mô hình hóa: ứng dụng đối với hệ Hydrocarbon

Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học Paris VI (Đại học Piere Marie Curie), Cộng hòa Pháp.

– Được cấp bằng TS ngày 14 tháng 03 năm 2006, ngành: Hoá học, chuyên ngành: Hóa lý.

Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Trường Đại học Louis Pasteur Strasbourg 1, Cộng hòa Pháp.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS: chưa

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Đại học Đà Nẵng

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Hoá học - Công nghệ thực phẩm

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Nghiên cứu sản xuất và ứng dụng nhiên liệu sinh học;
- Mô phỏng các quá trình hóa lý trong công nghệ hóa học.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn 06 HVCH bảo vệ thành công luận văn Thạc sỹ;
- Đã hoàn thành 03 đề tài NCKH cấp cơ sở (cấp Đại học Đà Nẵng) và 01 đề tài NCKH cấp Bộ (Bộ GD&ĐT) với tư cách chủ nhiệm đề tài; tham gia với tư cách thành viên chính 01 đề tài NCKH độc lập cấp nhà nước;
- Đã công bố 25 bài báo khoa học (KH), trong đó có 07 bài báo KH trên tạp chí quốc tế có uy tín thuộc danh mục ISI với số lượt trích dẫn 123 và chỉ số H index = 6 (theo <https://scholar.google.com/citations?user=dqpPXdUAAAAJ>);
- Đã xuất bản 03 sách tại nhà xuất bản có uy tín được sử dụng làm tài liệu tham khảo trong giảng dạy trình độ ĐH;

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Được chọn trao giải và cấp học bổng nghiên cứu trong chương trình *Giải thưởng quốc gia L'Oreal – Unesco: Vì sự tiến bộ của Phụ nữ trong khoa học*, năm 2012
- Danh hiệu *Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở – Đại học Đà Nẵng*, các năm học 2012-2013; 2013-2014; 2017-2018; 2018-2019;
- *Bằng khen của Chủ tịch UBND Thành phố Đà Nẵng về thành tích công bố quốc tế*, vào năm 2017; năm 2018
- Giấy khen *Hoàn thành tốt nhiệm vụ của Giám đốc Đại học Đà Nẵng*, năm học 2012-2013
- Giấy khen đạt *Giải thưởng Hoạt động Khoa học và Công nghệ tiềm năng – trường Đại học Bách khoa*, năm học 2017 – 2018;
- Giấy khen *Có thành tích xuất sắc của Hiệu trưởng trường Đại học Bách khoa*, năm học 2011-2012, 2018-2019
- Giấy khen *Có thành tích tốt trong hoạt động Công đoàn của Công đoàn trường Đại học Bách khoa*, năm 2012-2013
- Vinh danh *Phụ nữ sáng tạo, làm kinh tế giỏi của Hội Liên hiệp Phụ nữ Thành phố Đà Nẵng*
- Chứng nhận đạt giải Cuộc thi WEPICS 2017 *Phụ nữ với các Dự án Kỹ thuật phục vụ Cộng đồng*

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

- Bản thân tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, luôn chấp hành nghiêm chỉnh mọi chủ trương, chính sách, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nội quy và quy chế của cơ quan nơi công tác.

- Có đạo đức tốt, đúng chuẩn mực của nhà giáo Việt Nam, luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao với tinh thần trách nhiệm cao.

- Từ khi tham gia công tác tại trường đến nay, bản thân luôn không ngừng học hỏi và nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm, lý luận chính trị, trình độ ngoại ngữ; tích cực tham gia các khóa học trau dồi chuyên môn, nghiệp vụ và đảm bảo chất lượng.

- Luôn trung thực khách quan, nhiệt tình trong giảng dạy và đào tạo, thực hiện đầy đủ số giờ giảng dạy theo sự phân công; tham gia hướng dẫn sinh viên và học viên cao học; tham gia xây dựng và phát triển chương trình đào tạo trình độ Đại học của ngành Công nghệ dầu khí và khai thác dầu và chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ Kỹ thuật hóa học; biên soạn bài giảng và tài liệu phục vụ công tác đào tạo; tích cực và chủ động trong công tác đổi mới và cải tiến nội dung và phương pháp giảng dạy đáp ứng tiêu chí đảm bảo chất lượng theo xu thế của giáo dục đại học hiện nay.

- Đam mê nghiên cứu khoa học, luôn xem đây là một trong những nhiệm vụ quan trọng nhất của giảng viên đại học; tích cực và chủ động tham gia các nhóm nghiên cứu, chủ trì hoặc tham gia thực hiện các đề tài Khoa học Công nghệ có tính ứng dụng cao, kết hợp nghiên cứu với các chuyên gia trong và ngoài nước để có các công bố khoa học trên các tạp chí quốc tế uy tín; luôn quan tâm công tác trao đổi học thuật, tham gia các hội thảo khoa học cũng như các khóa đào tạo trong và ngoài nước; chú trọng đẩy mạnh phong trào nghiên cứu khoa học trong sinh viên, tích cực hướng dẫn, giúp sinh viên tiếp cận sớm với nghiên cứu khoa học từ đó góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.

- Tham gia với tinh thần trách nhiệm cao trong các hoạt động chuyên môn khác của Khoa, của Trường; tham gia công tác kiểm định chất lượng theo tiêu chuẩn AUN của ngành đào tạo; tích cực tham gia phát triển quan hệ quốc tế và hợp tác quốc tế, tham gia tổ chức các Hội thảo quốc tế và tìm kiếm học bổng trao đổi sinh viên quốc tế cho sinh viên; tham gia kiêm nhiệm công tác quản lý theo sự phân công.

- Bản thân có sức khỏe tốt để tiếp tục phục vụ cho sự nghiệp giáo dục.

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên (*):

Tổng số 13 năm tham gia công tác đào tạo.

Thời gian tham gia đào tạo từ trình độ Đại học trở lên được thống kê từ năm 2010 cụ thể như sau:

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2010-2011			1	6	583	75	658/770/98
2	2011-2012			1	6	772	75	847/934/280
3	2012-2013			1	11	704	75	779/869/280
4	2013-2014			1	6	640	75	715/839/280
5	2014-2015				8	582	0	582/613/280
6	2015-2016				7	275	0	275/332,5/270
7	2016-2017				2	77	0	77/89/100
3 năm học cuối								
8	2017-2018				5	582	30	612/718/270
9	2018-2019			3	9	574	30	604/720/90
10	2019-2020				10	804	30	834/1040/90

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Anh văn, Pháp văn

a) Được đào tạo ở nước ngoài :

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ; Tại nước: Pháp, năm 2002

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ; Tại nước: Pháp, năm 2005

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước :

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ:số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài :

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ : Tiếng Pháp

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Chương trình ngoại khóa dành cho sinh viên song ngữ Việt Pháp chuyên ngành Công nghệ hóa học – Dầu và khí (thuộc chương trình của khối Đại học Pháp ngữ AUF) tại trường Đại học Bách khoa – ĐHQĐ từ năm học 2006 – 2007 đến năm học 2011 – 2012.

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Chứng chỉ B2

4. Hướng dẫn 06 HVCH đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Quang Thái		X	X		2011 - 2012	ĐH Đà Nẵng	27/12/2012
2	Trần Văn Hải		X	X		2012 - 2013	ĐH Đà Nẵng	12/08/2013
3	Nguyễn Thị Hoa		X	X		2014 - 2015	ĐH Đà Nẵng	25/05/2015
4	Võ Tấn Phương		X	X		2018 - 2019	Trường ĐH Bách khoa, ĐH Đà Nẵng	26/11/2019
5	Huỳnh Thanh Phi		X	X		2018 - 2019	Trường ĐH Bách khoa, ĐH Đà Nẵng	26/11/2019
6	Nguyễn Thanh Hóa		X	X		2018 - 2019	Trường ĐH Bách khoa, ĐH Đà Nẵng	26/11/2019

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phản biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
<i>Sau khi bảo vệ luận án TS</i>							
1	Động cơ biogas Mã số: 7B007N3-DVT ISBN 8-934-994-2064-33)	TK	Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam, 2013	07	Không	Tham gia biên soạn chương 1 và chương 2 (từ trang 5 đến trang 108)	Quyết định số 965/QĐ-ĐH BK của Hiệu trưởng Trường Đại học Bách khoa - ĐHQĐ ngày 24/06/2016

2	Chung cất đa cấu tử trong công nghiệp dầu khí ISBN 978-604-67-1536-8	TK	Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, 2020	01	Có	Quyết định số 942/QĐ-ĐHBK của Hiệu trưởng Trường Đại học Bách khoa, ĐHDN ngày 01 tháng 06 năm 2020
3	Expérimentation et Modélisation de la formation et de l'évolution physico-chimique des particules dans la ligne d'échappement des véhicules ISBN 978-620-2-26135-7	TK	Editions Universitaires Européennes EUE, 2017	01	Có	Quyết định số 1113/QĐ-ĐHBK của Hiệu trưởng Trường Đại học Bách khoa, ĐHDN ngày 12 tháng 06 năm 2020

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản sau PGS/TS:

Lưu ý:

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;
- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).
- **Các chữ viết tắt:** CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/ PCN/ TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm) /Xếp loại KQ
<i>Sau khi bảo vệ luận án TS</i>					
1	ĐT: Nghiên cứu tác động của sự âm dần lên toàn cầu đến môi trường thành phố Đà Nẵng	CN	B2010-ĐN-26, cấp Bộ GDĐT	01/2010-12/2011	04/01/2012 Xếp loại: Khá

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/ PCN/ TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm) /Xếp loại KQ
2	ĐT: Nghiên cứu tối ưu điều kiện nuôi trồng vi tảo <i>Chlorella vulgaris</i> làm nguyên liệu sản xuất biodiesel.	CN	Đ2012 – 02 – 46, cấp Đại học Đà Nẵng	01/2012-12/2012	25/12/2012 Xếp loại: Tốt
3	ĐT: Nghiên cứu hoàn thiện quy trình công nghệ và thiết kế hệ thống thu hoạch sinh khối vi tảo <i>Chlorella vulgaris</i> ứng dụng trong sản xuất nhiên liệu sinh học.	CN	Đ2014 – 02 – 111, cấp Đại học Đà Nẵng	01/2014-12/2014	02/04/2015 Xếp loại: Tốt
4	ĐT: Xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ công tác thiết kế, mô phỏng và tối ưu quá trình sản xuất nhiên liệu biodiesel	CN	B2017 –ĐN 02 – 37, cấp Đại học Đà Nẵng	06/2017-05/2019	03/06/2019 Xếp loại: Đạt

Lưu ý:

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;

- **Các chữ viết tắt:** CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học /ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
<i>Sau khi bảo vệ Tiến sĩ</i>								
1	Application of group contribution SAFT equation of state (GC-SAFT) to model phase behaviour of light and	5	Có	Fluid Phase Equilibria, ISSN 0378-3812	SCI, IF=2,514 Q1	52	FPE 238(2), 254–261	2005

	heavy esters. (doi.org/10.1016/j.fluid.2005.10.009)							
2	Modelling particle formation: An helpful tool to interpret measurement results	4	Có	Proceeding: 2nd Conference Environment & Transport; including 15th Transport and Air Pollution, Reims, 12-14 June 2006, Actes INRETS ISBN 2-85782-639-7, ISSN 0769-0266	Kỷ yếu hội thảo quốc tế có uy tín ISBN 2-85782-639-7, ISSN 0769-0266	6	INRETS N°1 07, 321-331	2006
3	Utilization of biogas engines in rural area: A contribution to climate change mitigation	3	Không	Acte du Colloque International RUNSUD 2010, Universite Nice-Sophia Antipolis, France, 23-25 Mars 2010			RUNSU D N°1, 19-31	2010
4	Utilization of Poor Biogas in Biogas - Diesel Dual Fuel Engine	5	Không	Da Nang International Forum on Green Technology and Management- IFGTM 2011, Tạp chí KHCN - ĐHĐN (ISSN 1859-1531)			Số 4(45)/ 41-50	2011
5	Nghiên cứu khả năng sản xuất greendiesel từ biomass và những thách thức trong việc thương mại hóa quy trình sản xuất greendiesel từ vi tảo	2	Có	Tạp chí KHCN - ĐHĐN (ISSN 1859-1531)			Số 1(50)/ 82-89	2012

6	Technology for biogas application in production and living in rural area	3	Không	The 2012 United Kingdom – Viet Nam Clean Energy Conference and Exhibition, Tạp chí KHCN - ĐHĐN (ISSN 1859-1531)			Số 8(57). 2012/ 23- 33.	2012
7	Study of chlorella vulgaris microalgae cultivation for biodiesel production	5	Có	The 2012 United Kingdom – Viet Nam Clean Energy Conference and Exhibition, Tạp chí KHCN - ĐHĐN (ISSN 1859-1531)			Số 8(57). 2012/ 194- 200	2012
8	Effect of CO2 utilization on the growth of chlorella vulgaris for food technology	4	Không	Tạp chí Khoa học & Công nghệ - ĐHĐN (ISSN 1859-1531).			Số 12(61). 2012. Quyển 1/86- 92	2012
9	Nghiên cứu phối trộn một số phụ gia oxygenate vào xăng không chì	3	Có	Tạp chí Công thương, ISSN 0866 – 7756.			Số 13. 2013 /43- 47	2013
10	Tác dụng của việc phối trộn phụ gia Antiknock 819 vào xăng không chì nhằm cải thiện khả năng chống kích nổ của xăng	3	Có	Tạp chí Khoa học & Công nghệ - ĐHĐN (ISSN 1859-1531).			Số: 5(66). 2013/ 111 - 117	2013
11	Nghiên cứu khả năng sản xuất biogas trong môi trường nước biển	2	Có	Tạp chí Khoa học & Công nghệ - ĐHĐN (ISSN 1859-1531).			Số 5(78). 2014/ 114- 117	2014
12	A review of microalgae harvesting technology	1	Có	Tạp chí Khoa học & Công nghệ - ĐHĐN (ISSN			Số: 6(79). 2014/	2014

	for biofuel production.			1859-1531).			86-91	
13	Nghiên cứu khả năng sinh khí Biogas từ nước thải chế biến tinh bột sắn bằng phương pháp lên men kỵ khí	5	Không	Tạp chí Khoa học & Công nghệ - ĐHQĐN (ISSN 1859-1531).			Số: 3(76). 2014/ 37-40.	2014
14	Khả năng xử lý nước thải từ hầm biogas của vi tảo <i>Chlorella vulgaris</i> trong định hướng sản xuất nhiên liệu sinh học	3	Có	Tạp chí Khoa học & Công nghệ - ĐHQĐN (ISSN 1859-1531).			Số: 3(76). 2014/ 37-40.	2014
15	Harvesting Biomass And Extracting Lipids From Microalgae <i>Chlorella vulgaris</i> cultivated in Seafood Processing Wastewater For Wastewater Treatment And Biofuels Production	2	Có	Proceedings of The 2nd International Conference on Green Technology and Sustainable Development, ISBN 13: 978-604-73-2817-8	Kỷ yếu hội thảo quốc tế có uy tín ISBN 13: 978-604-73-2817-8		GTSD' 14 Vol.1 /13-20	2014
16	Studies of Biodiesel Production from Rubber Seed Oil and Testing of Performance Characteristics in a Diesel Engine	2	Có	Proceedings of the 5th World Conference on Applied Sciences, Engineering and Technology 02-04 June 2016, HCMUT, Vietnam, ISBN 13: 978-81-930222-2-1	Kỷ yếu hội thảo quốc tế có uy tín ISBN 13: 978-81-930222-2-1		WCSE T 2016 335-340	2016
17	Loại bỏ H ₂ S trong biogas bằng hỗn hợp khoáng bentonite và zeolite thải của nhà máy lọc dầu Dung Quất	1	Có	Kỷ yếu Hội thảo Hóa học toàn quốc.	Kỷ yếu HT quốc gia ISBN 13: 978-604-82-2242-0		56-62	2017

18	Prediction of vapor-liquid and liquid-liquid equilibria at high pressures of 2-alkoxyethanol mixtures using PC-SAFT EoS. (doi.org/10.1016/j.fluid.2016.11.020)	3	Không	Fluid Phase Equilibria, ISSN 0378-3812	SCI, IF=2,514 Q1	9	FPE 434 (2017)/7-20	2017
19	Application of the modified group-contribution PC-SAFT to nitrile and their mixtures. (doi.org/10.1016/j.fluid.2017.07.017)	2	Không	Fluid Phase Equilibria, ISSN 0378-3812	SCI, IF=2,514 Q1	6	FPE 450 (2017)/112-125	2017
20	Density Measurements of Waste Cooking Oil Biodiesel and Diesel Blends Over Extended Pressure and Temperature Ranges. (doi.org/10.3390/en11051212)	3	Có	Energies, ISSN / eISSN 1996-1073	SCIE, IF=2,707 Q2	13	11(5).2018/1212	2018
21	Predicting the phase equilibria of esters/alcohols mixtures and biodiesel density from its fatty acid composition using the modified group-contribution PC-SAFT. (doi.org/10.1016/j.fluid.2018.05.017)	2	Có	Fluid Phase Equilibria, ISSN 0378-3812	SCI, IF=2,514 Q1	7	FPE 472 (2018)/128-146	2018
22	Thermophysical behavior of three algal biodiesels over wide ranges of pressure and temperature. (doi.org/10.1016/j.fuel.2018.06.091)	5	Không	Fuel, ISSN 0016-2361	SCI, IF=5,128 Q1	5	Fuel 233. (2018) /497-503	2018

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

23	Density estimation for waste cooking oil biodiesel	3	Có	Tạp chí Khoa học & Công nghệ - ĐHQĐN (ISSN 1859-1531).			Số: 17(6).2019/37-40.	2019
24	Free-volume theory coupled with modified group-contribution PC-SAFT for predicting the viscosities. II. Alcohols and their mixtures. (doi.org/10.1016/j.fluid.2019.112298)	5	Không	Fluid Phase Equilibria, ISSN 0378-3812	SCI, IF=2,514 Q1	1	FPE 502 (2019)/112298	2019
25	Tổng hợp và đánh giá các chỉ tiêu chất lượng của biodiesel sản xuất từ mỡ cá phế thải	3	Có	Tạp chí Khoa học & Công nghệ - ĐHQĐN (ISSN 1859-1531).			Số: 18 (5.1) 2020/89-95	2020
26	Nghiên cứu khả năng phối trộn biodiesel tổng hợp từ dầu mỡ cá thải tại các cơ sở chế biến thủy sản vào nhiên liệu diesel thỏa mãn TCVN	2	Có	Tạp chí Khoa học Công nghệ Việt Nam - Bộ KHCN ISSN 1859-4794			được chấp nhận đăng	2020
27	Modelling of phase behavior of ammonia and its mixtures using the mg-SAFT	5	Không	Fluid Phase Equilibria ISSN 0378-3812	SCI, IF=2,514 Q1		được chấp nhận đăng	2020

- Trong đó, số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được cấp bằng Tiến sĩ: **03** bài báo KH (bài số 1, số 20 và số 21)

Lưu ý: Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với UV chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với UV chức danh GS.

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích: Chưa có

7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế:

TT	Tên giải thưởng	Cơ quan/tổ chức ra quyết định	Số quyết định và ngày, tháng, năm	Số tác giả
1	Giải thưởng Học bổng quốc gia L'Oreal Vì sự phát triển của phụ nữ trong khoa học	L'Oreal Việt Nam với sự hợp tác của Ủy ban Quốc gia Việt Nam về UNESCO và Viện Hàn lâm Khoa học & Công nghệ Việt Nam	Hợp đồng trao học bổng ký ngày 19 tháng 10 năm 2011	1

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

7.4. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: Không có

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

- Tham gia cải tiến chương trình đào tạo trình độ Đại học của ngành Kỹ thuật dầu khí, đáp ứng tiêu chuẩn kiểm định chất lượng của tổ chức kiểm định AUN

- Tham gia xây dựng chương trình đào tạo Chất lượng cao trình độ Đại học của ngành Công nghệ chế biến dầu khí và khai thác dầu

- Tham gia xây dựng chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ ngành Kỹ thuật hóa học

- Là thành viên của nhóm nghiên cứu giảng dạy TRT-GATEC và tham gia thực hiện các chương trình nghiên cứu ứng dụng của nhóm, cụ thể bao gồm: Nghiên cứu mô hình hóa quá trình cháy, sự hình thành và khuếch tán các chất ô nhiễm trong không khí; Nghiên cứu sản xuất và ứng dụng biogas trong đời sống; Nghiên cứu công nghệ tinh lọc biogas đạt tiêu chuẩn ứng dụng làm nhiên liệu cho động cơ đốt trong và công nghệ nén biogas làm nhiên liệu trên thiết bị vận chuyển;

- Chủ trì các đề tài nghiên cứu liên quan đến việc sản xuất và sử dụng các nguồn nhiên liệu sinh học từ biomass kết hợp xử lý môi trường.

- Tham gia xây dựng và phát triển các nhóm nghiên cứu và đề án nghiên cứu liên kết giữa Đại học Đà Nẵng và Đại học Côte d'Azur (UCA) của Cộng hòa Pháp trong khuôn khổ hoạt động của Viện Công nghệ quốc tế DNIIT - ĐHĐN

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

(* Các công trình khoa học thay thế không được tính vào tổng điểm.

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 06 năm 2020

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Thị Thanh Xuân